

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-8-2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Ngọc Thi.

2. Ông Nguyễn Quốc Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh P, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Số 67 tổ 4, ấp T, xã p, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Danh Thị X, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39 tổ 4, ấp T, xã p, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – anh Danh P trình bày:** Anh chị tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 10/01/2006. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh P yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Anh P cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Anh P xác nhận có 02 con chung tên Danh Thị T, sinh ngày 09/9/2007 và Danh H, sinh ngày 14/5/2011, hiện nay cả hai con chung

đang sống cùng với chị X. Anh P đồng ý giao hai con chung cho vợ tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh P xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Chị Danh Thị X:** Vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – anh Danh P xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với chị Danh Thị X. Đồng ý giao con chung cho vợ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Anh Danh P khởi kiện xin ly hôn chị Danh Thị X có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ Số 39 tổ 4 ấp T, xã p, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn – Chị Danh Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của chị X là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Anh P và chị X tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh P khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm và tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay.

Bị đơn – chị Danh Thị X đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do anh P cung cấp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị X đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng chị X vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại Tòa, anh P xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị X đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Danh P.

[3] Về con chung: Anh Danh P xác nhận có 02 con chung tên Danh Thị T, sinh ngày 09/9/2007 và Danh H, sinh ngày 14/5/2011, hiện nay cả hai con chung đang sống cùng với chị X. Anh P đồng ý giao hai con chung cho vợ tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, chị X đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung ổn định từ khi ly thân đến nay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do anh Danh P không tự nguyện cấp dưỡng và chị Danh Thị X cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh P xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Danh Thị X cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh P được ly hôn với chị Danh Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Thị T, sinh ngày 09/9/2007 và Danh H, sinh ngày 14/5/2011 cho chị Danh Thị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu sau này anh P, chị X có tranh chấp về việc nuôi con chung, về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh P xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này chị X có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Danh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002133 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thạm